

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 6314 : 2007

ISO 2004 : 1997

Xuất bản lần 2

**LATEX CAO SU THIÊN NHIÊN CÔ ĐẶC –
CÁC LOẠI LY TÂM HOẶC KEM HOÁ
ĐƯỢC BẢO QUẢN BẰNG AMONIAC – YÊU CẦU KỸ THUẬT**

*Natural rubber latex concentrate – Centrifuged or creamed,
ammonia-preserved types – Specification*

HÀ NỘI – 2007

Lời nói đầu

TCVN 6314 : 2007 thay thế TCVN 6314 : 1997.

TCVN 6314 : 2007 hoàn toàn tương đương với ISO 2004 : 1997.

TCVN 6314 : 2007 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC45 Cao su thiên nhiên và Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Latex cao su thiên nhiên cô đặc – Các loại ly tâm hoặc kem hoá được bảo quản bằng amoniac – Yêu cầu kỹ thuật

Natural rubber latex concentrate – Centrifuged or creamed, ammonia-preserved types – Specification

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này đưa ra yêu cầu kỹ thuật đối với các loại latex cao su thiên nhiên cô đặc được chế biến bằng phương pháp ly tâm hay kem hóa, bảo quản toàn phần hay từng phần bằng amoniac.

Tiêu chuẩn này qui định các yêu cầu về latex cao su thiên nhiên cô đặc ly tâm và kem hóa đối với các loại sau đây:

Latex cao su thiên nhiên cô đặc loại HA. Latex ly tâm sau khi cô đặc chỉ được bảo quản bằng amoniac với độ kiểm không nhỏ hơn 0,60 % tính theo khối lượng latex.

Latex cao su thiên nhiên cô đặc loại LA. Latex ly tâm sau khi cô đặc được bảo quản bằng amniac cùng với các chất bảo quản khác, với độ kiểm không lớn hơn 0,29 % tính theo khối lượng latex.

Latex cao su thiên nhiên cô đặc loại XA. Latex ly tâm sau khi cô đặc được bảo quản bằng amniac cùng với các chất bảo quản khác, với độ kiểm không nhỏ hơn 0,30 % tính theo khối lượng latex.

Latex cao su thiên nhiên cô đặc, loại kem hóa HA. Latex kem hóa sau khi cô đặc được bảo quản bằng amniac với độ kiểm không nhỏ hơn 0,55 % tính theo khối lượng latex.

Latex cao su thiên nhiên cô đặc, loại kem hóa LA. Latex kem hóa sau khi cô đặc được bảo quản bằng amoniac cùng với các chất bảo quản khác, với độ kiểm không lớn hơn 0,35 % tính theo khối lượng latex.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây là rất cần thiết khi áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các bản sửa đổi (nếu có).

TCVN 6314 : 2007

TCVN 4856 : 2007 (ISO 127 : 1995) Latex cao su thiên nhiên cô đặc – Xác định trị số KOH.

TCVN 4857 : 2007 (ISO 125 : 2003) Latex cao su thiên nhiên cô đặc – Xác định độ kiềm.

TCVN 4858 : 2007 (ISO 126 : 2005) Latex cao su thiên nhiên cô đặc – Xác định hàm lượng cao su khô.

TCVN 4859 : 2007 (ISO 1652 : 2004) Latex cao su – Xác định độ nhớt biểu kiến bằng phương pháp thử Brookfield.

TCVN 4860 : 2007 (ISO 976 : 1996) Cao su và chất dẻo – Polime phân tán và các loại latex cao su – Xác định pH.

TCVN 4864 : 2007 (ISO 1409 : 2006) Chất dẻo/cao su – Polime phân tán và các loại latex cao su (thiên nhiên và tổng hợp) – Xác định sức căng bề mặt bằng phương pháp vòng đo.

TCVN 5598 : 2007 (ISO 123 : 2001) Latex cao su – Lấy mẫu.

TCVN 6315 : 2007 (ISO 124 : 1997) Latex, cao su – Xác định tổng hàm lượng chất rắn.

TCVN 6316 : 2007 (ISO 35 : 2004) Latex cao su thiên nhiên cô đặc – Xác định độ ổn định cơ học.

TCVN 6317 : 2007 (ISO 706 : 2004) Latex cao su – Xác định hàm lượng chất đông kết (chỉ còn lại trên rây).

TCVN 6318 (ISO 8053) Cao su và latex – Xác định hàm lượng đồng – Phương pháp quang phổ.

TCVN 6319 : 2007 (ISO 7780 : 1998) Cao su và các loại latex cao su – Xác định hàm lượng mangan – Phương pháp quang phổ sử dụng natri periodat.

TCVN 6320 : 2007 (ISO 2005 : 1992) Latex cao su thiên nhiên cô đặc – Xác định hàm lượng chì

TCVN 6321 (ISO 506) Latex cao su thiên nhiên cô đặc – Xác định trị số axit béo bay hơi.

TCVN 6322 : 2007 (ISO 1802 : 1992) Latex cao su thiên nhiên cô đặc – Xác định hàm lượng axit bo

TCVN 6323 (ISO 1629) Cao su và các loại latex – Ký hiệu và tên gọi.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau.

3.1

Latex cao su thiên nhiên cô đặc (natural rubber latex concentrate)

Latex cao su thiên nhiên có chứa amoniac và/hoặc các chất bảo quản khác và được chế biến bằng phương pháp cô đặc.

4 Yêu cầu kỹ thuật

Latex cô đặc phải phù hợp yêu cầu về tổng hàm lượng chất rắn hay yêu cầu về hàm lượng cao su khô cho trong Bảng 1 và phải phù hợp với tất cả các yêu cầu khác cho trong Bảng 1.

Nếu bổ sung các chất bảo quản khác ngoài amoniac vào latex cô đặc thì tính chất hóa học và mạng dùng chất bảo quản đó phải được công bố. Latex cô đặc phải không được chứa các chất kiểm soát định được thêm vào ở bất cứ giai đoạn nào trong quá trình sản xuất.

Bảng 1 – Yêu cầu kỹ thuật

Tên chỉ tiêu	Mức					Phương pháp thử
	Loại HA	Loại LA	Loại XA	Loại HA kem hoà	Loại LA kem hoá	
Tổng hàm lượng chất rắn, ¹⁾ % (khối lượng), min.	61,5	61,5	61,5	66,0	66,0	TCVN 6315
Hàm lượng cao su khô, ¹⁾ % (khối lượng), min.	60,0	60,0	60,0	64,0	64,0	TCVN 4858
Chất rắn không phải cao su, ²⁾ % (khối lượng), max.	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	–
Kiểm (như NH ₃), % (khối lượng), tính theo khối lượng latex cô đặc,						
max.	–	0,29	–	–	0,35	TCVN 4857
min.	0,60	–	0,30	0,55	–	
Độ ổn định cơ học, giây, min.	650	650	650	650	650	TCVN 6316
Hàm lượng chất đông kết, % (khối lượng), max.	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	TCVN 6317
Hàm lượng đồng, mg/kg tổng chất rắn, max.	8	8	8	8	8	TCVN 6318
Hàm lượng mangan, mg/kg tổng chất rắn, max.	8	8	8	8	8	TCVN 6319
Hàm lượng cặn, % (khối lượng), max.	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	TCVN 6320
Trị số axit béo bay hơi (VFA), max.	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	TCVN 6321
Trị số KOH, max	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	TCVN 4856

¹⁾ Đối với tổng hàm lượng chất rắn hoặc hàm lượng cao su khô.

²⁾ Hiệu số giữa tổng hàm lượng chất rắn và hàm lượng cao su khô.

5 Lấy mẫu

Latex cô đặc phải được lấy mẫu theo một trong các phương pháp quy định trong TCVN 5598 : 2007.